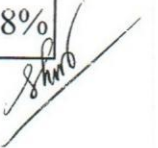



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Tính đến 30/11/2020)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
	Tổng thu NSNN	4.625.000.000	9.700.838.950	209,75%
1	Thuế GTGT	750.000.000	607.908.584	81,05%
2	Thuế phi nông nghiệp	250.000.000	243.260.895	97,30%
3	Lệ phí trước bạ	625.000.000	3.411.504.667	545,84%
4	Thu nhập cá nhân hộ	475.000.000	300.117.455	63,18%
5	Thu nhập cá nhân đất	2.400.000.000	5.004.934.705	208,54%
6	Phí môn bài	40.000.000	38.350.000	95,88%
7	Phí lệ phí khác	55.000.000	32.820.000	59,67%
8	Thu khác	30.000.000	61.942.644	206,48%





THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

(Tính đến 30/11/2020)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
	THU NS XÃ	4.991.350.000	16.266.387.383	325,89%
I	Thu điều tiết	4.075.000.000	9.324.939.362	228,83%
1	Thuế GTGT	675.000.000	547.117.735	81,05%
2	Thuế phi nông nghiệp	250.000.000	243.260.895	97,30%
3	Lệ phí trước bạ	625.000.000	3.411.504.667	545,84%
4	Thu nhập cá nhân đất	2.400.000.000	5.004.934.705	208,54%
5	Phí môn bài	40.000.000	38.350.000	95,88%
6	Phí lệ phí khác	55.000.000	32.820.000	59,67%
7	Thu khác	30.000.000	46.951.360	156,50%
II	Thu cân đối bổ sung	916.350.000	846.354.000	92,36%
III	Thu bổ sung có mục tiêu		1.609.519.966	
IV	Thu đóng góp nhân dân		1.347.113.000	
V	Thu chuyển nguồn		3.138.461.055	

Handwritten signature

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**

Tính đến 30/11/2020

STT	Nội dung	Dự toán	Số thực hiện	Tỷ lệ %
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	7.823.777.163	6.112.786.478	78,13%
	A CHI THƯỜNG XUYÊN	5.971.195.966	5.258.605.281	88,07%
1	Chi hoạt động quân sự	447.152.417	409.273.618	91,53%
2	Chi hoạt động Công an	261.320.000	219.320.000	83,93%
3	Chi hoạt động Văn hóa	70.800.000	70.800.000	100,00%
4	Chi hoạt động thể thao	4.600.000	4.600.000	100,00%
5	Chi hoạt động thủy lợi	17.150.000	17.150.000	100,00%
6	Chi hoạt động quản lý nhà nước	3.102.955.452	2.634.298.184	84,90%
7	Chi hoạt động Đảng	1.105.810.000	1.030.591.317	93,20%
8	Chi hoạt động Mặt trận tổ quốc	265.000.000	237.328.538	89,56%
9	Chi hoạt động Đoàn Thanh niên	123.000.000	100.890.368	82,02%
10	Chi hoạt động Hội phụ nữ	110.000.000	106.016.853	96,38%
11	Chi hoạt động Hội nông dân	96.263.897	87.471.803	90,87%
12	Chi hoạt động Hội Cựu chiến binh	92.000.000	87.942.400	95,59%
13	Chi hoạt động hội đặc thù	91.188.000	83.589.000	91,67%
14	Quà tết đối tượng chính sách	13.800.000	13.800.000	100,00%
15	Trợ cấp hưu xã + phụ cấp khác	164.119.000	149.496.000	91,09%
16	Chi tiền điện hộ nghèo	6.037.200	6.037.200	100,00%
	B CHI ĐẦU TƯ	1.852.581.197	854.181.197	46,11%
1	Cải tạo sửa chữa Đài tưởng niệm liệt sỹ xã	300.000.000	238.000.000	79,33%
2	Đường bê tông xi măng năm 2018	160.917.000	160.917.000	100,00%
3	Cải tạo Chợ Truyền thống xã Quyết Thắng	55.000.000	55.000.000	100,00%
4	Cải tạo sửa chữa Trụ sở UBND và các hạng mục phụ trợ	400.264.197	400.264.197	100,00%
5	Đường Giao thông liên xã Quyết Thắng năm 2019	936.400.000		0,00%

**KẾ HOẠCH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
	Tổng thu NSNN	7.790.000.000
1	Thuế GTGT	650.000.000
2	Thuế phi nông nghiệp	200.000.000
3	Lệ phí trước bạ	2.000.000.000
4	Thu nhập cá nhân hộ	525.000.000
5	Thu nhập cá nhân đất	4.300.000.000
6	Phí môn bài	40.000.000
7	Phí lệ phí khác	40.000.000
8	Thu khác	35.000.000


KẾ HOẠCH THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
	THU NS XÃ	7.200.000.000
I	Thu điều tiết	7.200.000.000
1	Thuế GTGT	585.000.000
2	Thuế phi nông nghiệp	200.000.000
3	Lệ phí trước bạ	2.000.000.000
4	Thu nhập cá nhân đất	4.300.000.000
5	Phí môn bài	40.000.000
6	Phí lệ phí khác	40.000.000
7	Thu khác	35.000.000
II	Thu cân đối bổ sung	

shin

**KẾ HOẠCH CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.696.310.400
	A CHI THƯỜNG XUYÊN	4.746.310.400
1	Chi hoạt động quân sự	435.682.000
2	Chi hoạt động Công an	244.560.000
3	Chi hoạt động Văn hóa	82.000.000
4	Chi hoạt động thể thao	15.000.000
5	Chi hoạt động quản lý nhà nước	2.307.956.987
6	Chi hoạt động Đảng	549.053.150
7	Chi hoạt động Mặt trận tổ quốc	313.988.100
8	Chi hoạt động Đoàn Thanh niên	109.071.170
9	Chi hoạt động Hội phụ nữ	103.725.233
10	Chi hoạt động Hội nông dân	109.549.460
11	Chi hoạt động Hội Cựu chiến binh	87.968.300
12	Chi hoạt động hội đặc thù	107.280.000
13	Quà tết đối tượng chính sách	60.000.000
14	Trợ cấp hưu xã + phụ cấp khác	177.976.000
15	Dự phòng ngân sách	42.500.000
	B CHI ĐẦU TƯ	950.000.000
1	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông liên xã Quyết Thắng	700.000.000
2	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ	250.000.000

BẢNG TỔNG HỢP THU CÁC LOẠI QUỸ

Năm 2020

(Tính đến hết 30/11/2020)

STT	Xóm	Số hộ	Thiên tai	Trẻ em	Khuyến học	Cao tuổi	DODN	Người nghèo	Da cam	Nhân đạo	Tổng
1	Xóm 10	131	270.000	2.620.000	2.620.000	1.965.000	1.310.000	1.310.000	1.310.000	1.310.000	12.715.000
2	Thái Sơn 1	332	1.245.000	6.640.000	6.620.000	4.980.000	3.320.000	2.765.000	3.310.000	3.300.000	32.180.000
3	Cây Xanh	227	4.260.000	4.540.000	4.540.000	3.405.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	25.825.000
4	Nước Hai	260	2.190.000	5.080.000	5.060.000	3.825.000	2.540.000	2.540.000	2.550.000	2.540.000	26.325.000
5	Bắc Thành	183	3.960.000	3.640.000	3.640.000	2.745.000	1.820.000	1.820.000	1.820.000	1.820.000	21.265.000
6	Trung Thành	185	3.330.000	3.660.000	3.680.000	2.760.000	1.840.000	1.830.000	1.830.000	1.840.000	20.770.000
7	Thái Sơn 2	298	1.635.000	6.020.000	6.020.000	4.515.000	3.010.000	3.010.000	3.010.000	3.010.000	30.230.000
8	Nam Thành	192	3.765.000	3.840.000	3.840.000	2.880.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	22.005.000
9	Gò Móc	248	4.995.000	4.960.000	4.960.000	3.695.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	28.530.000
10	Sơn Tiến	318	3.855.000	6.360.000	6.360.000	4.785.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	34.120.000
11	Cơ quan	20	3.026.000								3.026.000
	Tổng	2394	32.531.000	47.360.000	47.340.000	35.555.000	23.700.000	23.135.000	23.690.000	23.680.000	256.991.000

Sinh



TÌNH HÌNH THU - CHI CÁC LOẠI QUỸ

Năm 2020

(Tính đến hết 30/11/2020)

STT	Loại quỹ	Tồn đầu năm	Thu	Chi	Tồn cuối năm
1	Quỹ phòng chống thiên tai, bão lụt	39.034.000	32.531.000	26.025.000	45.540.000
2	Quỹ Trẻ em	9.743.700	47.360.000	30.600.000	26.503.700
3	Quỹ khuyến học	16.025.000	47.340.000	38.200.000	25.165.000
4	Quỹ chăm sóc người cao tuổi	15.356.920	35.555.000	24.700.000	26.211.920
5	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	30.485.500	23.700.000	20.700.000	33.485.500
6	Quỹ Vì người nghèo	30.253.000	23.135.000	9.000.000	44.388.000
7	Quỹ Nạn nhân da cam	23.025.000	23.690.000	26.150.000	20.565.000
8	Quỹ nhân đạo	45.017.000	23.680.000	4.500.000	64.197.000
9	Quỹ An ninh quốc phòng	72.200			
	Tổng cộng	209.012.320	256.991.000	179.875.000	286.056.120

Handwritten signature